

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐBT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 02/04/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CTK3+MRM	7:25	15+7	0+0+0		8+14	0+0+0	
2		BK20+CTK3+P2	9:25	5+15+2	0+0+0		3+13+6	0+0+0	chuyen 2 bk20- ctk3chuyen 3 ctk3-p2
3		CNV+BK9+TD1	11:25	8+6+6	0+0+0		7+5+10	0+0+0	

TTĐBSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/04/2024	TO: CTK3 - MRM	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: HUNG - M.Đức - Huy	ETA: 09:20
XANH-1			

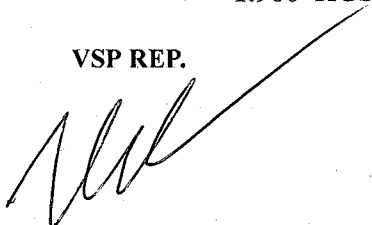
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BOGDANOV E.	CTK3	78	1	8		77	KH-THAC	Russian
2	ĐOÀN QUANG CHUNG	CTK3	71	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI KHÁC PHONG	CTK3	74	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TRỌNG HAI	CTK3	67	1	9		76	KH-THAC	Vietnamese
5	HA MINH GIANG	CTK3	77	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ CÔNG KHANG	CTK3	79	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TRỌNG KIM	CTK3	68	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN NGỌC TUÔNG	CTK3	80	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
9	LE MINH ĐỨC	CTK3	75	1	12		80	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN DAN	CTK3	81-82	2	11		73	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TRẦN ĐỨC MINH	CTK3	72-73	2	13		80	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN ĐỨC HANH	CTK3	69	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN QUYẾT THĂNG	CTK3	70	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
14	THAI QUANG HUY	CTK3					65	SANBAY	Vietnamese
15	PHAM THANH QUANG	CTK3	76	1	5	60	73	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN QUỐC HUNG	MRM	30	1	13	56	80	DVL	Vietnamese
17	TÔNG TIẾN QUANG	MRM	29	1	13		81	DVL	Vietnamese
18	ĐO VĂN THAI	MRM	34-35	2	18		65	DVL	Vietnamese
19	TRẦN VĂN MẠNH	MRM	28	1	11		70	DVL	Vietnamese
20	NGUYỄN TRỌNG HOANG	MRM	27	1	7		71	DVL	Vietnamese
21	LƯƠNG MẠNH HAI	MRM	32-33	2	18		79	DVL	Vietnamese
22	NGUYỄN NGỌC SƠN	MRM	31	1	16		65	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

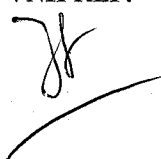
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	15	16	96	1.081	60	14		
2	MRM	7	9	96	511	56	8		
TOTAL		22	25	192	1.592	116	22		
WEIGHT KG				192	1.592	116			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

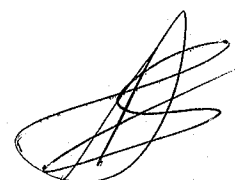
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/04/2024	TO: BK20 - CTK3 - P2	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: HUNG - M.Đức - Huy	ETA: 11:40
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐÌNH QUYẾT	BK20	45	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ TRUNG KIẾN	BK20	96	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
3	LUYỄN VĂN THIỆU	BK20	98	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐỖ VĂN BÌNH	BK20	97	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
5	VÕ NGỌC CHÍNH	BK20	99	1	7		85	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN HUY HOANG	CTK3	32	1	7	50	92	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI SY LONG	CTK3	39	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN MINH TUẤN	CTK3	37	1	12		63	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẶNG THIỆU THANH	CTK3	40	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN HUY HOANG (21488)	CTK3	41	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN HOANG LAM	CTK3					70	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM QUANG THAI	CTK3	38	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ NGUYỄN NHẬT LINH	CTK3					88	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN ĐAN QUÊ	CTK3	33	1	10		76	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	CTK3	34	1	4		50	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ ANH TUẤN	CTK3	36	1	15		75	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN CÔNG CÔNG	CTK3	35	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN DANH TUẤN	CTK3	42	1	8		61	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN TUNG DƯƠNG	CTK3	31	1	9		59	ANTOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN NGOC TUAN	P2	70-71	2	12		70	XAYLAP	Vietnamese
21	BUI VAN THOAI	P2	68-69	2	19		64	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYEN XUAN DUC	P2	72-73	2	20		75	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

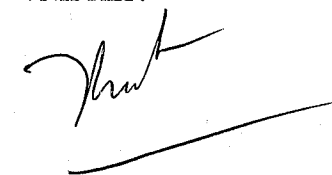
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK20	5	5	37	387	0	3+2		CHUYEN 2 PAX BK20-CTK3
2	CTK3	14	12	98	1.027	50	13+3		CHUYEN 3 PAX CTK3-P2
3	P2	3	6	51	209	0	6		
TOTAL		22	23	186	1.623	50	22		
WEIGHT KG				186	1.623	50			

GRAND TOAL: 1.859 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN




FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/04/2024	TO: CNV - BK9 - TD1	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:10
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: VThắng - MTHAO -	ETA: 14:00
DO-3		PTUÂN	

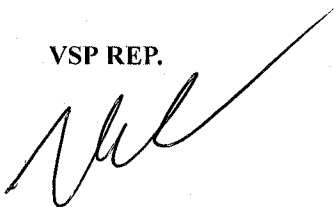
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRÍ CHUNG	CNV	65-66	2	10		52	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐỖ QUỐC TUNG	CNV	75	1	9		80	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI VĂN THAI	CNV	73-74	2	14		69	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM ĐỨC KIỂM	CNV	68-69	2	13	55	76	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ CANH HÙNG	CNV	70	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN HẢO	CNV	71	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐỨC THANH	CNV	72	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN THẠO	CNV	67	1	4		75	PSV	Vietnamese
9	CAO VĂN KHA KHA	BK9	35	1	3		83	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN NGỌC HIỆP	BK9	34	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN TUÂN	BK9	38	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ CHI CÔNG	BK9	36-37	2	9	40	92	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN TIỀN CUÔNG	BK9	32	1	4		52	PSV	Vietnamese
14	TRẦN VĂN NGHĨA	BK9	33	1	6		56	PSV	Vietnamese
15	PHẠM ĐỨC BÌNH	TD1	93-94	2	17		80	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG NGOC TUNG	TD1	95-96	2	15		66	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN ĐỨC CUÔNG	TD1	98	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN ANH ĐỨC	TD1	99	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ ĐÌNH HUY	TD1	92	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ VĂN BÌNH	TD1	97	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

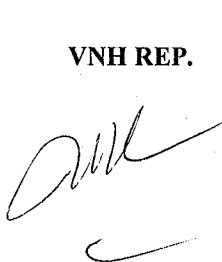
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CNV	8	11	65	562	55	7		
2	BK9	6	7	31	421	40	5		
3	TD1	6	8	50	415	0	10		
TOTAL		20	26	146	1.398	95	22		
WEIGHT KG				146	1.398	95			

GRAND TOAL: 1.639 KGS

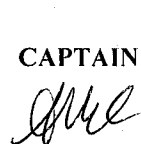
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 03/04/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P2+MRM+RC5+RC4	7:25	8+8+3+0	0+0+0		8+11+1+2	0+0+0	CHUYEN 2 RC5-RC4

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/04/2024	TO: P2 - MRM - RC5 - RC4	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: NO 1	FROM: VT	CREW: TTrung - N.Cuong - Thành	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ QUỐC THUY	P2	12-13	2	20	7	62	XAYLAP	Vietnamese
2	PHAM VĂN TÂN	P2	66-67	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
3	ĐOÀN VĂN BĂNG	P2	14-15	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
4	LẠI VĂN MẠNH	P2	64-65	2	20		72	XAYLAP	Vietnamese
5	BUI XUAN QUANG	P2	62-63	2	20		80	XAYLAP	Vietnamese
6	ĐẶNG SỸ AN	P2	06-07	2	20		58	XAYLAP	Vietnamese
7	NGÔ LAI THÍCH	P2	08-09	2	19		82	XAYLAP	Vietnamese
8	ĐINH VĂN THIÊN	P2	10-11	2	17		61	XAYLAP	Vietnamese
9	DMITRII KONDRATOV	MRM	40	1	9		116	HALLIBUR	Russian
10	VŨ QUANG	MRM	41	1	11		81	D-HANH	Vietnamese
11	MAI ĐẠI HAI	MRM	39	1	7		68	KHOAN	Vietnamese
12	VŨ TRƯỜNG GIANG	MRM	54-55	2	20		68	DVL	Vietnamese
13	NGUYỄN QUANG HOAN	MRM	58-59	2	20		87	DVL	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỨC PHỤNG	MRM	42-43	2	20		63	DVL	Vietnamese
15	NGUYỄN THIỆU BÌNH	MRM	56-57	2	20		62	DVL	Vietnamese
16	NGUYỄN NGỌC BÌNH	MRM	44	1	15		70	DVL	Vietnamese
17	TRẦN THANH HOANG	RC5	96-97	2	19		67	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN NGỌC DUY	RC5	09	1	11		69	XAYLAP	Vietnamese
19	MAI VĂN BÌNH	RC5	94	1	9	24	60	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	8	16	154	550	7	8		CHUYEN 2 PAX RC5-RC4
2	MRM	8	12	122	615	0	11		
3	RC5	3	4	39	196	24	1+2		
4	RC4	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		19	32	315	1.361	31	22		
WEIGHT KG				315	1.361	31			

GRAND TOAL: 1.707 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 01/04/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK5+P2	7:25	6+16	0+0		5+17	0+0	
2		RP2+RC10	7:25	18+4	0+0		18+4	0+0	
3		BK8+RP2	7:25	14+8	0+0		8+14	0+0	
4		P2+BK6	9:25	18+4	0+0		18+4	0+0	
5		RP2+CTC1	9:25	12+9	0+0		4+18	0+0	
6		RC3+RP3+TD2	9:25	11+11+0	0+0+0		7+7+6	0+0+0	

TTDBSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/04/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT:	TO: BK5 - P2	CREW: VTHU - LHải - dững	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ VĂN NAM	BK5	78	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN CÔNG THANH	BK5	70	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN VĂN THUẬN	BK5	80	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ VĂN DŨNG	BK5	71	1	8	55	65	CODIEN	Vietnamese
5	ĐỖ ĐỨC ANH	BK5	72	1	12	30	83	CODIEN	Vietnamese
6	PHẦN XUÂN HOA	BK5					70	PSV	Vietnamese
7	TRẦN TRỌNG PHONG	P2	41-42	2	15		76	YTE	Vietnamese
8	DƯƠNG ĐỨC HIỆU	P2	39-40	2	7		60	KH-THAC	Vietnamese
9	DƯƠNG XUÂN ĐIỆP	P2	46	1	5		45	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM QUỐC HIỀN	P2	51	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐOÀN NGUYỄN BAO CHÂU	P2				40	62	KH-THAC	Vietnamese
12	HOÀNG MINH ĐỨC	P2	50	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ QUANG ANH HÙNG	P2	52	1	6		55	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ VĂN ĐÔNG	P2	54	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
15	LƯU VĂN TÚ	P2	47	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ VĂN HIỆU	P2	48	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH TÙNG	P2	56-57	2	8		71	KH-THAC	Vietnamese
18	K LING	P2	53	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM VĂN QUYÊN	P2	43-44	2	5		69	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM NGUYỄN HOANG PHÚC	P2	45	1	2		83	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN ĐỨC HUY	P2	49	1	2		69	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN ĐÌNH NAM	P2	55	1	11		72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK5	6	5	40	437	85	5		
2	P2	16	19	87	1.054	40	17		
TOTAL		22	24	127	1.491	125	22		
WEIGHT KG				127	1.491	125			

GRAND TOAL: 1.743 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/04/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: RP2 - RC10	CREW: HUNG - XTruong - THU	ETA: 09:20
xanh-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KHAILIMOV	RP2	74	1	10		90	KH-THAC	Russian
2	ĐINH XUÂN GIANG	RP2	29	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN NGỌC CHÍNH	RP2	20	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN CÔNG HOANG	RP2	16	1	15		60	KH-THAC	Vietnamese
5	LƯU VĂN ĐIỀN	RP2	15	1	5	75	75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN HÙNG CUÔNG	RP2	24	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN BA DUY	RP2	18	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN TÂN TÀI	RP2	19	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN HỒNG QUANG	RP2	30	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐÀU HUY HOANG	RP2	23	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM VĂN LƯU	RP2	22	1	5		72	YTE	Vietnamese
12	NGUYỄN DUY HÙNG	RP2	25	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN LIÊM	RP2	27	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN THIÊN PHƯỚC	RP2	28	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐỖ ĐỨC CUÔNG	RP2					80	KH-THAC	Vietnamese
16	HOÀNG NGỌC LAN	RP2	26	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
17	HỒ ĐỨC LONG	RP2	17	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ HỮU QUAN	RP2	21	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
19	CHU ĐỨC HÙNG	RC10	57-58	2	8		60	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN TRỌNG TÂN	RC10	59,11	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM TRUNG KIẾN	RC10	12	1	3	20	65	KH-THAC	Vietnamese
22	BUI ĐỨC KHÁNH	RC10	60	1	5		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	18	17	100	1.270	75	18		
2	RC10	4	6	26	260	20	4		
TOTAL		22	23	126	1.530	95	22		
WEIGHT KG				126	1.530	95			

GRAND TOAL: 1.751 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/04/2024	TO: BK8 - RP2	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: CHIẾN - NPhú - PTUẤN	ETA: 09:25
CAM-1			

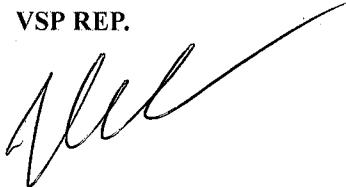
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HỮU HẠ	BK8	35	1	10	80	50	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TẤT HOÀ	BK8					83	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ HUY TIẾN HAI	BK8	33	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
4	HOÀNG SỸ NGỌC	BK8	28	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN THANH SƠN	BK8	27	1	6		61	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG	BK8	40	1	10	18	82	CODIEN	Vietnamese
7	DOÀN VIỆT ĐỒNG	BK8	34	1	11	26	75	CODIEN	Vietnamese
8	TRƯƠNG THẾ VINH	BK8	29	1	8		69	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ THANH HAI	BK8	36	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
10	HOÀNG VĂN CUÔNG	BK8	37	1	20		79	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ TRI NANG	BK8	30-31	2	11		75	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ XUÂN TÂM	BK8	32	1	14		66	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ BA HOA	BK8	25-26	2	20		74	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI ĐẶC CANH	BK8	24	1	6		68	PSV	Vietnamese
15	VŨ HOÀNG CẨM	RP2	92	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ LAM	RP2	89	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN XUÂN HAI	RP2	94	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VIỆT NHƯNG	RP2	95	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN QUANG VINH	RP2	90	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN NGON QUANG DUY	RP2	91	1	7		91	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ VIỆT TRƯỜNG	RP2	93	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
22	LƯƠNG NGỌC THANH	RP2	96	1	4		98	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

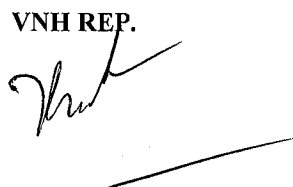
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK8	14	15	135	987	124	8		
2	RP2	8	8	37	579	0	14		
TOTAL		22	23	172	1.566	124	22		
WEIGHT KG				172	1.566	124			

GRAND TOAL: 1.862 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/04/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT:	TO: P2 - BK6	CREW: VTHU - L Hải - đứng	ETA: 11:50
VANG-2			

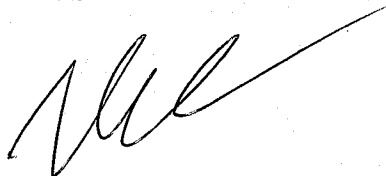
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN HIỆU	P2	21	1	8		79	KH-THAC	Vietnamese
2	HỒ HỮU LINH	P2	19	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
3	HỒ CÔNG ANH	P2	20	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN PHÚ HỮU	P2	25	1	3		61	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI THỌ DUNG	P2	18	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN PHONG	P2	22	1	6		50	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ ĐÌNH HUÂN	P2	33	1	5		51	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ SINH TÂM	P2	35	1	7		95	KH-THAC	Vietnamese
9	TẶNG MẠNH HÀ	P2	27	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ NGỌC DUNG	P2	34	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC DU	P2	26	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐỖ QUANG HÙNG	P2	29-30	2	10		71	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ CHI KIẾN	P2	36	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN QUÝ DUNG	P2	32	1	5		65	XAYLAP	Vietnamese
15	PHẠM CAO CƯỜNG	P2	16-17	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN THƯƠNG	P2	31	1	11		68	XAYLAP	Vietnamese
17	ĐỒNG VĂN THUY	P2	23-24	2	16		72	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN HỮU PHI	P2	28	1	10		61	XAYLAP	Vietnamese
19	LÊ NGỌC AN	BK6	03-04	2	7	63	73	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAN CÔNG THANH	BK6	01	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
21	VŨ VĂN THỌ	BK6	02	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN PHÊ	BK6	05	1	6		68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

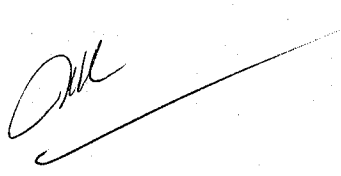
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	18	21	135	1.236	0	18		
2	BK6	4	5	25	290	63	4		
TOTAL		22	26	160	1.526	63	22		
WEIGHT KG				160	1.526	63			

GRAND TOAL: 1.749 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/04/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 5	TO: RP2 - CTC1	CREW: HÙNG - XTrường - THỤ	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI CÔNG THANH	RP2	44-45	2	17	18	84	XAYLAP	Vietnamese
2	PHẠM MINH VŨ	RP2	43	1	17	42	82	XAYLAP	Vietnamese
3	DUƠNG ĐĂNG CƯỜNG	RP2	46	1	16		74	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN HỮU TUẤN	RP2	41	1	12		55	XAYLAP	Vietnamese
5	PHAN TRỌNG TUẤN	RP2	47-48	2	20		85	XAYLAP	Vietnamese
6	HOÀNG ĐỨC PHONG	RP2	42	1	14		92	XAYLAP	Vietnamese
7	LÊ NGUYỄN	RP2	38	1	8	27	80	NIPI	Vietnamese
8	NGUYỄN QUANG TÂN	RP2	40	1	5		60	PSV	Vietnamese
9	LÊ MẠNH HÙNG	RP2	39	1	6		77	PSV	Vietnamese
10	TRẦN VĂN MINH	RP2	36	1	5		85	PSV	Vietnamese
11	LUƠNG MẠNH HƯƠNG	RP2	37	1	4		64	PSV	Vietnamese
12	VŨ ĐÌNH TỬ	RP2	35	1	8		64	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN SOAI	RP2	49	1	10		77	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ ANH VŨ	CTC1	31	1	12	35	78	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TIẾN THỰC	CTC1	25	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN VĂN LÝ	CTC1	29	1	11	12	78	KH-THAC	Vietnamese
17	TẠ VĂN VIỆT	CTC1	24	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI SĨ HIỆU	CTC1	28	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
19	LUƠNG XUÂN THÀNH	CTC1	30	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
20	THAI DOÀN BÌNH	CTC1	26-27	2	20		83	NIPI	Vietnamese
21	TRẦN VĂN VIỆT (1991)	CTC1	32	1	3		73	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	13	15	142	979	87	4		
2	CTC1	8	9	69	608	47	18		
TOTAL		21	24	211	1.587	134	22		
WEIGHT KG				211	1.587	134			

GRAND TOAL: 1.932 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/04/2024	TO: RC3 - RP3 - TD2	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: CHIẾN - NPhú - PTUẤN	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN BÌNH LONG	RC3	300	1	10		85	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ LÊ TRUNG	RC3	99	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM XUÂN KHOA	RC3	59	1	10	47	60	KH-THAC	Vietnamese
4	LÂM TRỌNG ĐẠI	RC3	95-96	2	10		57	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TRỌNG KHOA	RC3	97	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGÔ KHANH NAM	RC3	55-56	2	10		82	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN HAI VIỆT	RC3	57	1	5		96	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG TUẤN CUƠNG	RC3	91	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN ĐỨC NGUYỄN	RC3	90	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ NGỌC HÙNG	RC3	98	1	7		58	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC LÊ	RC3	02	1	5		65	PSV	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH THÂN	RP3	67-68	2	15		66	XAYLAP	Vietnamese
13	DƯƠNG SỸ CHIẾN	RP3	82	1	15		66	XAYLAP	Vietnamese
14	TRỊNH HỮU CHUNG	RP3	71-72	2	20		86	XAYLAP	Vietnamese
15	VŨ QUANG HUY	RP3	76	1	10		48	XAYLAP	Vietnamese
16	TRẦN QUANG KHU	RP3	75	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
17	MAI TRUNG DƯƠNG	RP3	79	1	10		66	XAYLAP	Vietnamese
18	LÊ HUY DUÂN	RP3	80-81	2	20		62	XAYLAP	Vietnamese
19	TRẦN VĂN HỀ	RP3	83-84	2	20		62	XAYLAP	Vietnamese
20	HOÀNG VĂN HỒNG	RP3	69-70	2	20		95	XAYLAP	Vietnamese
21	HÒA QUANG THẮNG	RP3	77-78	2	12		65	XAYLAP	Vietnamese
22	PHAN THIÊN PHÚC	RP3	73-74	2	18		80	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC3	11	13	80	775	47	7		
2	RP3	11	18	170	766	0	7		
3	TD2	0	0	0	0	35	8		
TOTAL		22	31	250	1.541	82	22		
WEIGHT KG				250	1.541	82			

GRAND TOAL: 1.873 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN